

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v tranh chấp về Hôn nhân gia
đình ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Bảo Giang
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 138/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn G, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H, anh G có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kiều H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian hơn 02 năm nay cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, chị H có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để đăng ký kết hôn nhưng không thành.

Nay chị Nguyễn Thị Kiều H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn G.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung tên Lê Trường T, sinh ngày 04/8/2001 và Lê Trường V, sinh ngày 12/8/2006. Hiện nay 02 con đang sống cùng chị H và anh G. Sau khi ly hôn, chị H đồng ý giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trường T và Trường V; chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo anh Lê Văn G tại phiên hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, anh G và chị H và sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian hơn 02 năm nay cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh G có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để đăng ký kết hôn nhưng không thành.

Nay anh Lê Văn G đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều H.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung tên Lê Trường T, sinh ngày 04/8/2001 và Lê Trường V, sinh ngày 12/8/2006. Hiện nay 02 con đang sống cùng chị H và anh G. Sau khi ly hôn, anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trường T và Trường V, anh G không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Nguyễn Thị Kiều H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn và nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G kết hôn năm 2000, không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu giữa chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G sống hạnh phúc, về sau thường xuyên bất đồng quan điểm sống

nên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G đã sống xa nhau từ năm 2017 đến nay, chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Chị Nguyễn Thị Kiều H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn G, anh Lê Văn G đồng ý ly hôn với chị H. Chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 9 - Luật Hôn nhân gia đình. Tại Điều 9- Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Mọi nghi thức kết hôn đều không có giá trị pháp lý.

Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G được xử bằng cách không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G do không đăng ký kết hôn theo luật định.

[4] Về con chung: Chị H và anh G thống nhất có 02 con chung tên Lê Trường T, sinh ngày 04/8/2001 và Lê Trường V, sinh ngày 12/8/2006. Hiện nay 02 con đang sống cùng chị H và anh G. Sau khi ly hôn, chị H đồng ý giao con chung cho anh G nuôi. Tại phiên tòa anh G đồng ý tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trường T và Trường V, anh G không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy giữa hai bên thỏa thuận việc nuôi con chung là phù hợp, ngoài ra nguyện vọng của hai cháu là sống với anh G xét thấy là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Anh G được tiếp tục nuôi con chung Lê Trường T, sinh ngày 04/8/2001 và Lê Trường V, sinh ngày 12/8/2006.

Theo khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.....”*

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“ Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.”*

Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con”.*

Như vậy, hai bên có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Do anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kiều H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kiều H đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 04860 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Lê Văn G.

Về con chung: Anh G được tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Trường T, sinh ngày 04/8/2001 và Lê Trường V, sinh ngày 12/8/2006.

Hai bên có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kiều H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thị Kiều H đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 04860 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Chị H và anh G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Bảo Giang